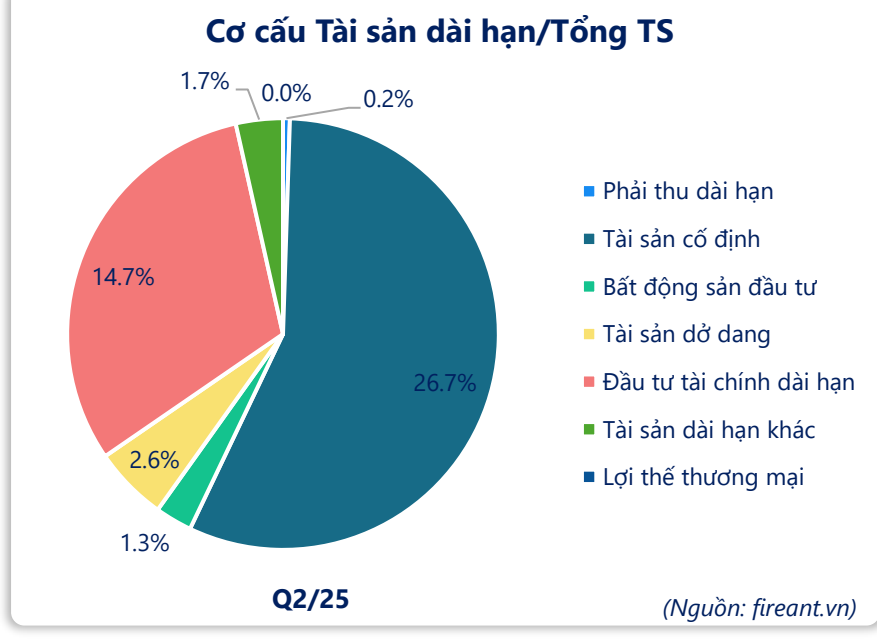
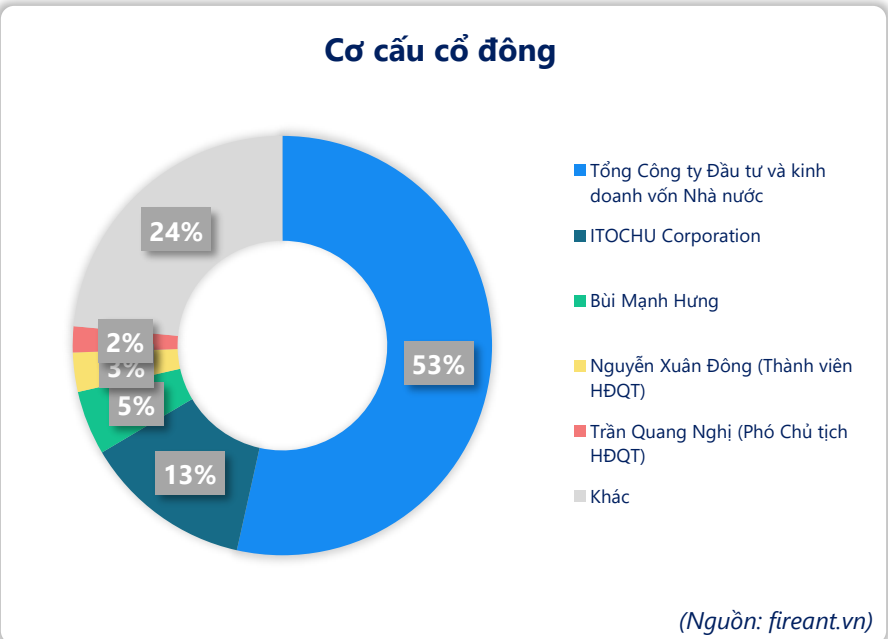
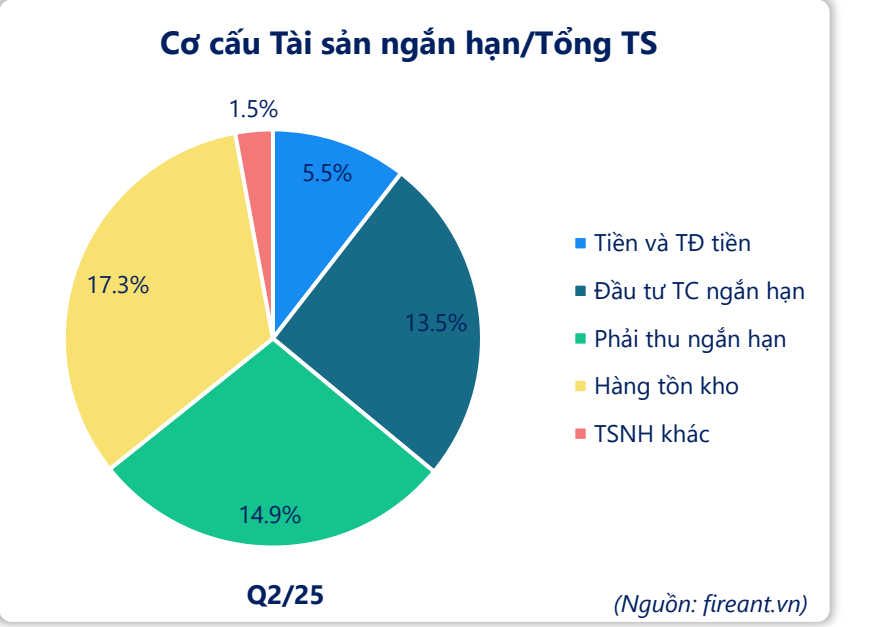
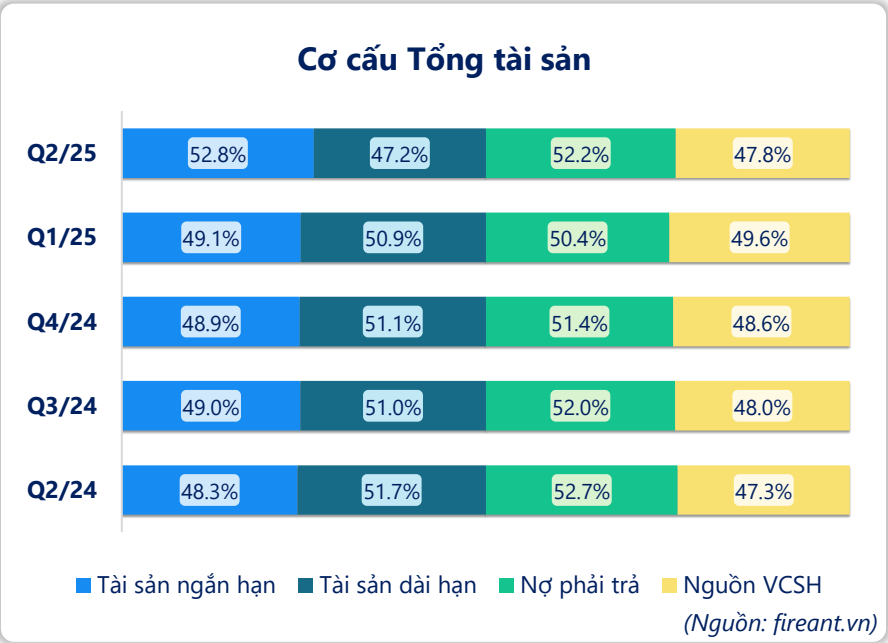
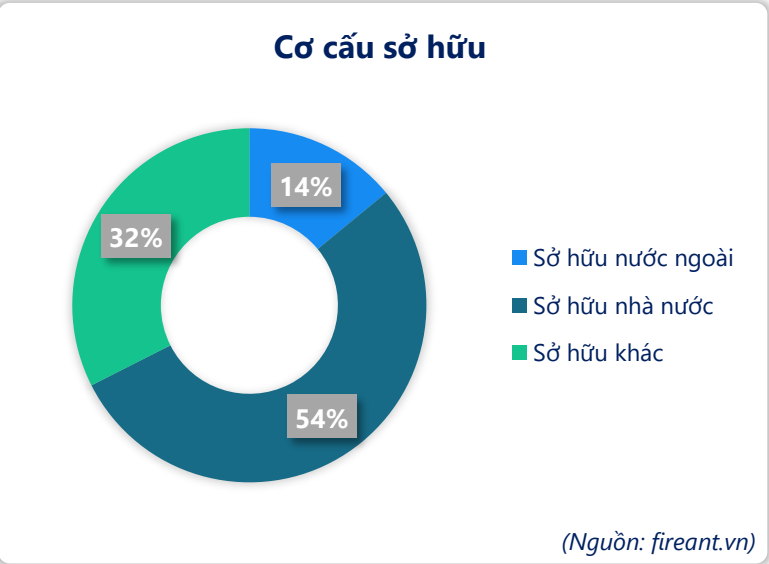
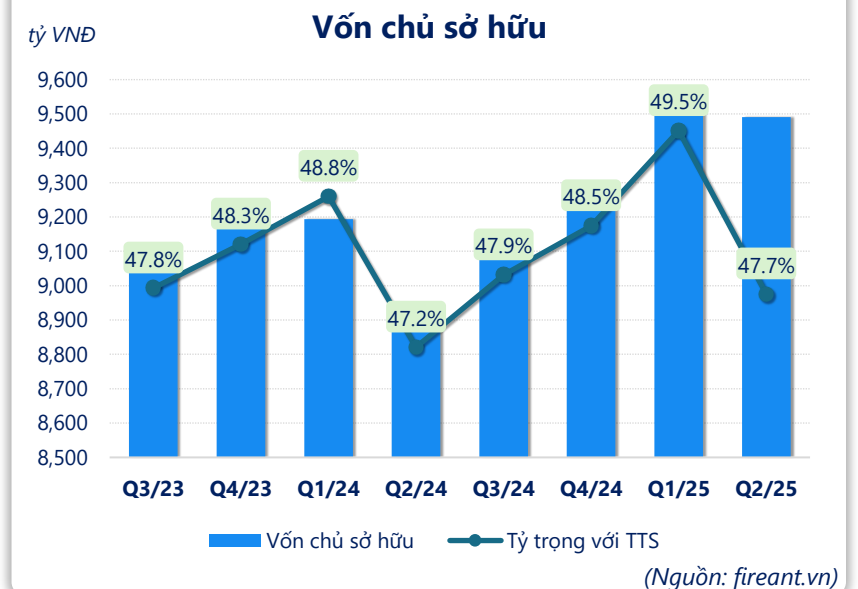
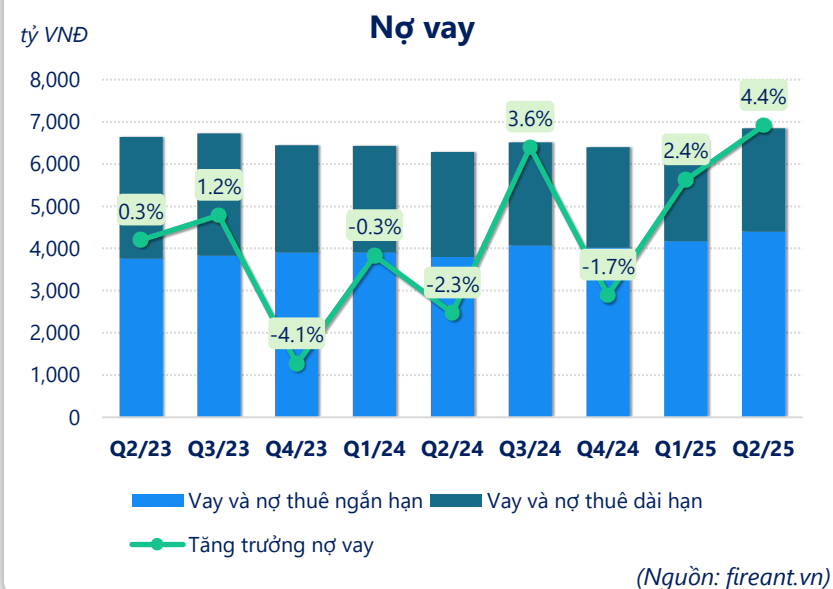
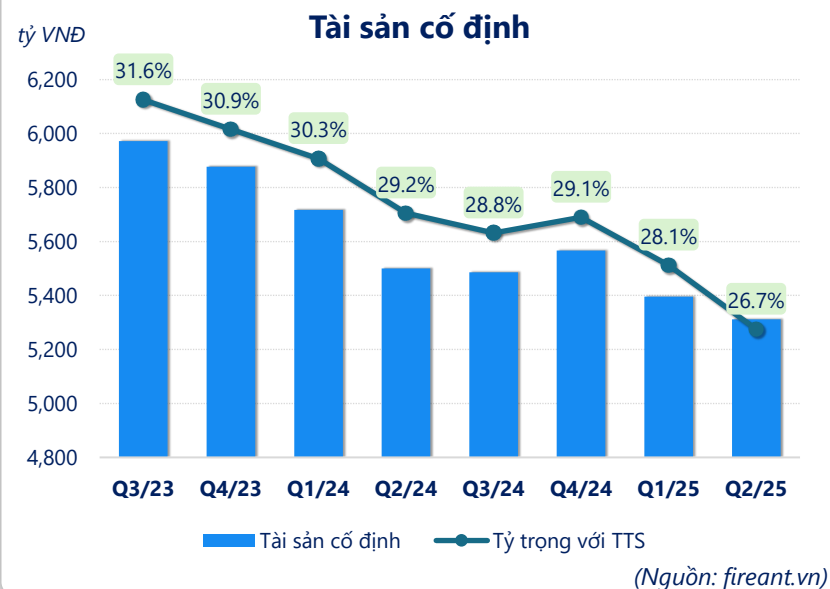
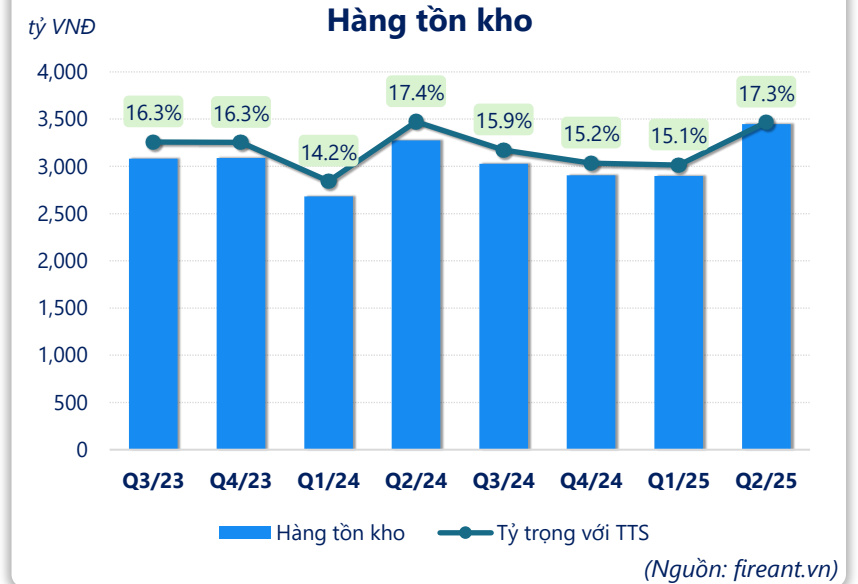
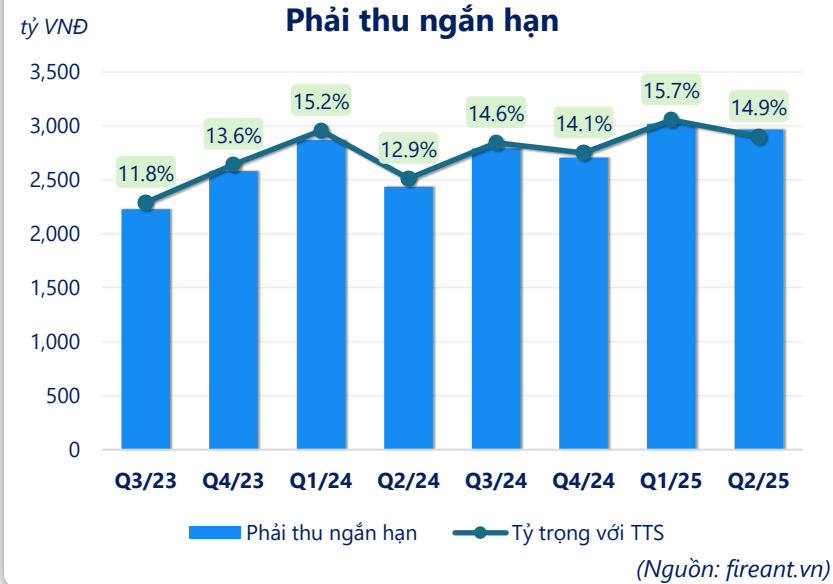
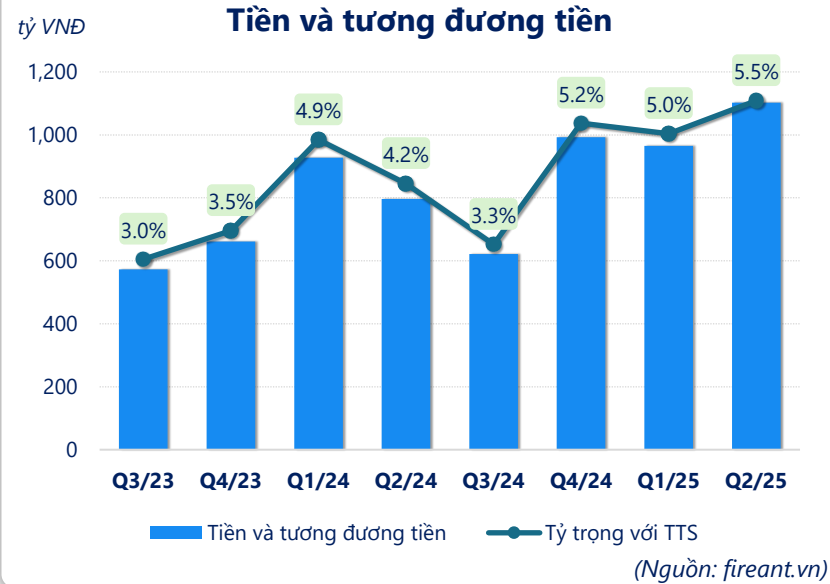
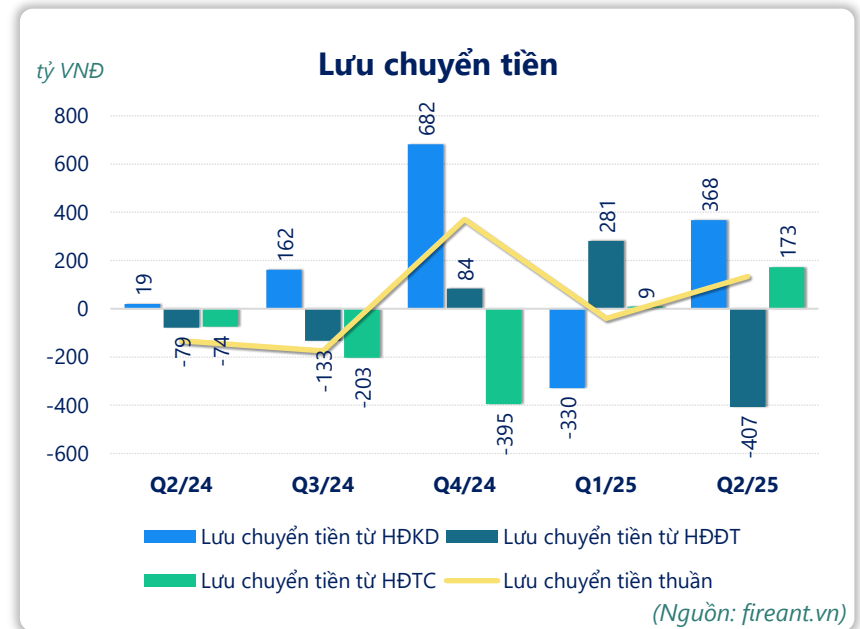
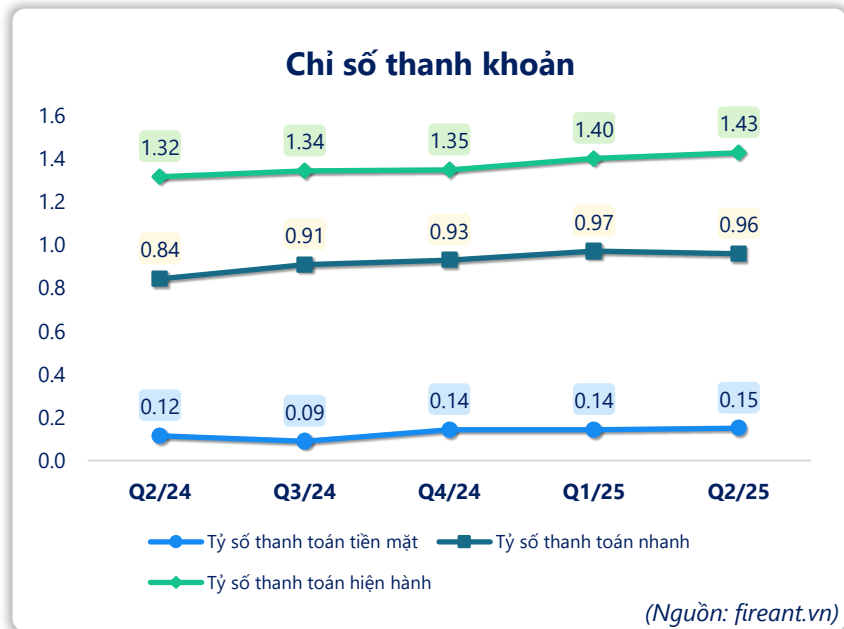
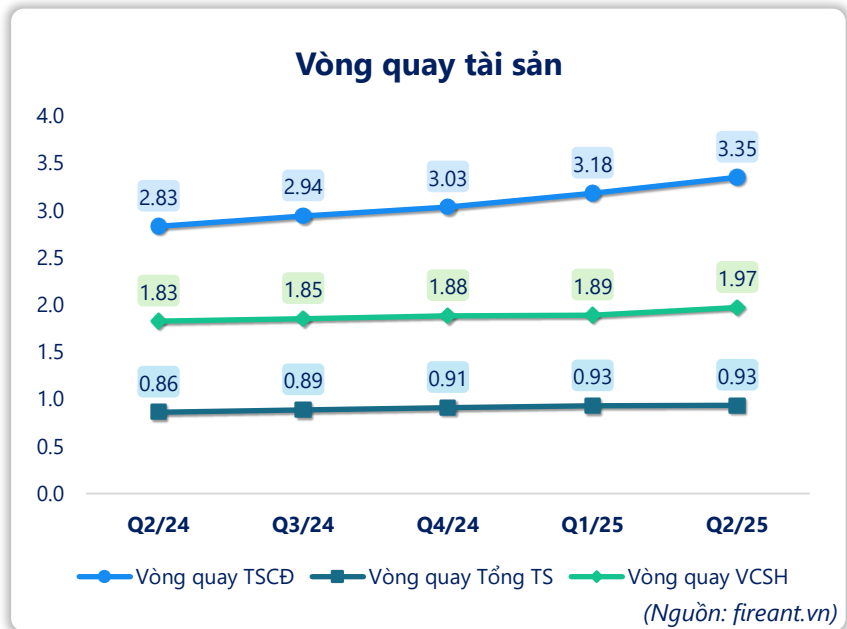
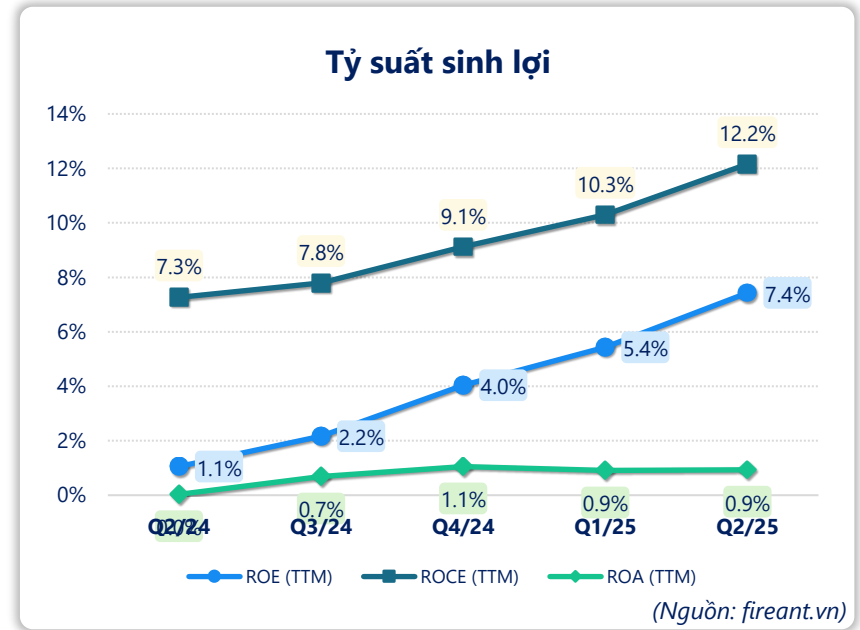
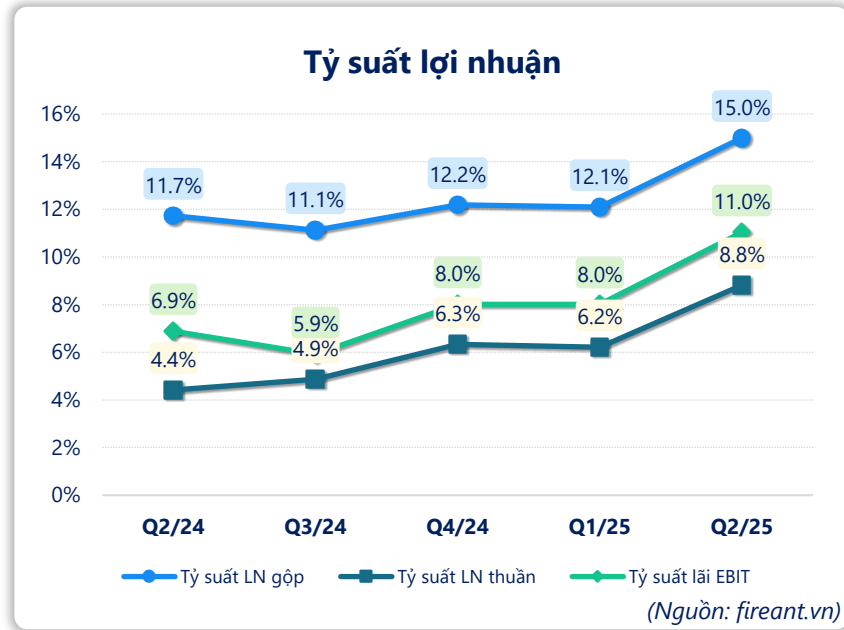
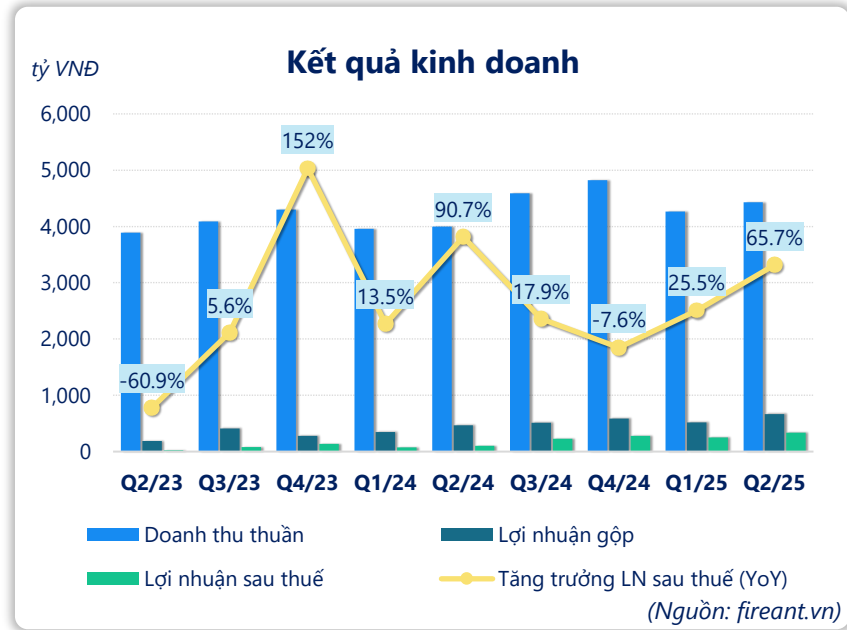


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,326,976
% sở hữu nước ngoài		14.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,200
P/E		9.1
EPS		1,365

	YTD	1T	3T	6T
VGT	-16.2%	6.9%	-3.1%	-17.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,884	19,266	3.2%
Tài sản ngắn hạn	10,496	9,552	9.9%
Tiền và tương đương tiền	1,102	1,005	9.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,676	2,470	8.3%
Phải thu ngắn hạn	2,966	2,606	13.8%
Hàng tồn kho	3,447	3,218	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	304	253	20.2%
Tài sản dài hạn	9,388	9,714	-3.4%
Phải thu dài hạn	48.2	48.3	-0.1%
Tài sản cố định	5,312	5,554	-4.4%
Bất động sản đầu tư	260	265	-1.9%
Tài sản dở dang	522	401	30.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,916	3,139	-7.1%
Tài sản dài hạn khác	330	307	7.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	10,374	9,990	3.8%
Nợ ngắn hạn	7,349	7,067	4.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,394	4,040	8.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,099	1,259	-12.7%
Nợ dài hạn	3,025	2,923	3.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,449	2,372	3.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	9,510	9,276	2.5%
Vốn chủ sở hữu	9,491	9,257	2.5%
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	19.0	19.3	-1.6%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	3,997	4,588	4,819	4,268	4,429
Giá vốn hàng bán	3,529	4,078	4,232	3,752	3,765
Lợi nhuận gộp	469	510	587	516	664
Doanh thu HĐTC	111	65.5	80.1	76.2	113
Chi phí TC	192	63.2	134	112	140
Chi phí lãi vay	94.6	48.5	56.2	70.5	92.6
LN trong công ty LKLD	120	117	180	127	132
Chi phí bán hàng	119	135	143	120	124
Chi phí QLDN	211	271	265	223	254
LN thuần từ HĐKD	177	223	305	265	390
Lợi nhuận khác	4.04	0.02	24.7	6.18	5.63
LN trước thuế	181	223	330	271	396
Lợi nhuận sau thuế	104	230	279	251	333
LNST của CĐ cty mẹ	5.98	129	200	172	181

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.4	162	682	-330	368
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-78.7	-133	83.8	281	-407
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-73.9	-203	-395	9.39	173
Tiền đầu kỳ	928	797	622	1,005	965
Lưu chuyển tiền thuần	-133	-175	370	-39.6	133
Ảnh hưởng tỷ giá	2.13	0	0	0	3.68
Tiền cuối kỳ	797	622	992	965	1,102

(Nguồn: fireant.vn)